

Đôi điều về thiêu và đốt

Some insights into the words “*thiêu*” and “*đốt*”

ThS.NCS. Đoàn Thị Quý Ngọc
Trường Đại học Sư phạm Huế

Doan Thi Quy Ngoc, M.A. Ph.D.student
Hue University of Education

Tóm tắt

Bài viết dựa trên thực tế sử dụng của cặp từ đồng nghĩa *thiêu* và *đốt* để làm rõ các câu hỏi sau: Tại sao dùng từ này mà không dùng từ kia? Tại sao trong trường hợp này ta phải nói *thiêu* chứ không thể nói *đốt* và ngược lại? Trên cơ sở so sánh nội hàm của hai từ, đặt chúng vào trong cùng một ngữ cảnh nói hoặc khác ngữ cảnh, chúng tôi đi đến kết luận: *Thiêu* là từ khóa của tôn giáo, phục vụ cho những mục đích tốt đẹp và diễn tả quá trình hủy hoại đối tượng bằng ngọn lửa. Trong khi đó, *đốt* là hoạt động tạo ra lửa phục vụ cho nhu cầu sống hàng ngày, nhằm mục đích phá hoại hoặc giết hại.

Từ khóa: từ đồng nghĩa, tôn giáo, phá hoại, giết hại.

Abstract

Based on the usage of a couple of synonyms “*thiêu*” and “*đốt*”, this article aims to make the confusion of these words clear. That is, why do people use this word but not that word? Why do we utter “*thiêu*” in this case but not dot and the other way around? By making a comparison between the meaning of these two words and putting them in the same context or a different one as a tentative test, we draw a conclusion that: “*thiêu*” is a key word of religion that serves good purposes and describes the process of exterminating the object by fire. Otherwise, “*đốt*” is an action that creates fire in order to serve living needs in daily life and aim at destroying things or killing a human being.

Keywords: synonym, religion, destroying things, killing a human being.

1. Tổng quan

Ngày nay, các sự vụ liên quan đến lửa không phải là chuyện hiếm. Khảo sát trên báo chí, người ta thấy có “Em đốt anh, chồng đốt vợ” (báo Tuổi trẻ 5/6/2011) nhưng rồi cũng có “Vợ thiêu chồng” (www.baomoi.com). Vậy lúc nào dùng *thiêu*, lúc nào dùng *đốt*? Rõ ràng, với sự xuất hiện của hai từ *thiêu* và *đốt* trên nhiều văn bản, chúng ta có thể nhận thấy rằng đây là hai từ đồng nghĩa. Đó là một lớp từ khác biệt nhau về hình thức ngữ âm nhưng lại giống nhau về nghĩa từ. Nói vậy cũng không có nghĩa rằng, nghĩa của các từ đồng

nghĩa có thể đạt đến độ trùng khít nhau mà tất yếu giữa chúng phải có đôi nét khu biệt. Tùy theo các nét khu biệt đó là gì mà từ đồng nghĩa được chia ra làm ba tiểu loại: từ đồng nghĩa ý niệm, từ đồng nghĩa phong cách và từ đồng nghĩa ý niệm phong cách [9]. Trước khi xếp *thiêu* và *đốt* thuộc vào tiểu loại từ đồng nghĩa nào trên đây, chúng ta cần đi vào những định nghĩa cụ thể. Trong Từ điển tiếng Việt. Theo *Từ điển tiếng Việt* của Hoàng Phê:

Đốt: làm cho cháy.

Thiêu: đốt cháy bằng ngọn lửa mạnh.

Trong cuốn *Từ điển Hán Việt* của Đào

Duy Anh:

Thieu: đốt

2. Đặc điểm của *đốt* và *thieu*

Đốt

Có thể xếp *đốt* vào loại vị từ hành động cần có hai diễn tố: chủ thể hành động và đối tượng bị tác động. Đây là một hoạt động của con người nhằm tác động đến đối tượng và có chủ ý. Đối tượng chịu sự tác động của hành động *đốt* khá đa dạng, bao gồm cả sự vật lẫn con người. Sự tác động của *đốt* mang tính chất phá hoại, có thể làm cho vật bị biến đổi về trạng thái vật lý. Ví dụ: *đốt cháy/rụi, đốt ra tro*

Hoạt động *đốt* còn làm cho vật bị tiêu hủy, không còn tồn tại. *Đốt* có thể tác động đến mọi vật. Ví dụ: *đốt thư, đốt rác, đốt rom*.

Con người cũng có thể là một đối tượng chịu sự tác động của hành động *đốt*. Khi một người dùng lửa để *đốt* người khác, họ đều nhằm đến mục đích giết hại hoặc làm cho đối tượng bị thương. Ví dụ: “Nợ bạn 100000 đồng, con gái bị mẹ tưới dầu *đốt*” (báo Tuổi trẻ)

Đốt kết hợp với các vị từ khác hình thành nên kết cấu gây khiến kết quả, trong đó vị từ đi sau chỉ kết quả của hành động *đốt*. Ví dụ: *đốt chết, đốt tan, đốt cháy, đốt sáng*.

Đốt còn có thể kết hợp trước hoặc sau nó một vị từ tác động khác. Tự nhiên nhất về mặt ngữ cảm là: (+) *đốt phá*, (+) *thieu đốt*. Nhưng không có: (-) *đốt hủy*. Cứ liệu này cho thấy *đốt* nhấn mạnh vào mục đích phá hoại, biến đổi vật chất từ dạng này sang dạng khác.

Đốt kết hợp với các vị từ trạng thái thể hiện mức độ tàn phá, sự hủy hoại do hành động “làm cho cháy” mang lại. Ví dụ: *đốt sạch, đốt rụi*

Ngoài những tác động với chủ ý phá hoại, huỷ diệt, *đốt* còn đóng vai trò là hành

động tạo ra ngọn lửa, hoặc một tác nhân nhằm kích thích hoạt động. Ví dụ: *đốt thuốc, đốt lửa*. Trong một số trường hợp, từ *đốt* đồng nghĩa ý niệm với từ *thấp*. Ví dụ: *thấp hương - đốt hương, thấp đèn - đốt đèn, thấp nhang - đốt nhang, thấp đuốc - đốt đuốc*.

Chính vì *đốt* là hoạt động tạo ra lửa nên trong tất cả các khả năng kết hợp với từ chỉ hướng, *đốt* thường kết hợp với từ *lên* xuất hiện ở vị trí liền kề hoặc đứng đằng sau đối thể. Trường hợp này có thể giải thích được dựa vào chiều hướng vận động từ dưới đi lên của ngọn lửa. Ví dụ: “**Đốt lửa lên** cho sáng lối đời” (Lạc đường - Tô Hữu), “**Đốt lên** thành lửa ném lên trời” (Đốt lên thành lửa ném lên trời - Vi Thùy Linh). Ngoài ra, *đốt* còn có thể kết hợp với các giới từ khác như *đốt + vào, đốt + ra*. Ví dụ: *đốt ra tro, đốt vào mặt*.

Thieu

Thieu là từ gốc Hán du nhập vào vốn từ vựng tiếng Việt qua cách đọc tiếng Hán của người Việt. Nhìn ở một góc độ nào đó, từ *thieu* ít nhiều đã chịu sự đồng hóa của tiếng Việt về mặt ngữ âm, ngữ pháp và ngữ nghĩa. Theo *Từ điển Hán-Việt* của Đào Duy Anh, *thieu* trong tiếng Hán có nghĩa là *đốt*, một hoạt động có chủ ý của con người. Nó bao gồm những kết hợp như sau: *thieu điểm, thieu hóa, thieu hủy, thieu hương, thieu táng, thieu thủy, thieu tử*. Tuy nhiên, khi bước qua ngưỡng Việt hóa, từ *thieu* hầu như chỉ xuất hiện tập trung ở mảng tôn giáo, các phong tục, nghi lễ hiến tế và đặc biệt nó là từ khóa của một trong những tập tục chôn cất người chết: *hỏa táng* hay còn có thể gọi là *thieu táng*. Từ *thieu* còn được nhắc đến như một thứ luật định của xã hội mà cả cộng đồng phải tuân theo. Ví dụ: “Ai mà chẳng hiểu việc *thieu* người vô tội chết theo vua là một

phép tắc độc ác, man rợ!” (*Giàn thiêu* - Võ Thị Hảo). Như vậy, so với từ *đốt* phạm vi hoạt động của từ *thiêu* có phần hạn chế hơn. Trong khi *đốt* nhằm vào mục đích phá hoại thì *thiêu* là hoạt động nhằm mục đích hủy diệt, mang tính nghi lễ, phục vụ cho những mục đích chính đáng và thiêng liêng. Vậy nên, nếu chủ thể hành động của *thiêu* là con người thì hành động diễn ra không thể không có mối liên hệ nào với tập tục đưa người chết về bên kia thế giới.

“Chồng uống rượu say rồi bị ngã, Cao Thị Liễu (32 tuổi ở xóm 1 xã Nghĩa Mai, Nghĩa Đàn, Nghệ An) không cứu mà còn mua hai chai xăng về “hỏa thiêu” chồng” (báo Công an).

Chính vì từ *thiêu* được mặc định dùng cho người đã chết, nên khi *thiêu* kết hợp với vị từ trạng thái *sống* đã nêu lên một hoàn cảnh bất thường: thiêu ở trạng thái đang còn sống. Trong đó, có khả năng người sống vì vi phạm chế định xã hội mà buộc phải bị hành xử như với người chết.

“Tôi là một đứa con gái hư hỏng, nếu người ta thiêu sống tôi thì cũng bởi tại tôi là một đứa con gái không chồng mà lại có thai, tôi đáng bị như vậy” (*Bị thiêu sống* - Souad).

Kết hợp các yếu tố khác với từ *thiêu*, chúng ta được kết cấu có ý nghĩa: một hành động tác động lên một trạng thái nào đó. Ví dụ: *thiêu sống*, *thiêu cháy*. Để tránh nhầm lẫn với kiểu kết cấu gây khiến-kết quả, chúng ta có thể dùng thủ pháp chêm xen thành tố. Như vậy, sẽ không có những cách diễn đạt như sau:

(-) *thiêu cho sống* (-) *thiêu không sống*
 (-) *thiêu cho cháy* (-) *thiêu không cháy*

Đến đây cần nói thêm, khác với ý nghĩa của *thiêu sống*, *thiêu + chết* không phải là *thiêu* ở trạng thái *chết*, mà *thiêu + chết* là một kết cấu gây khiến - kết quả và

phải được hiểu là *thiêu cho chết*. Với kết cấu này, chúng ta có các kết hợp của *thiêu* với các vị từ trạng thái chỉ mức độ hủy diệt. Ví dụ: *thiêu chết*, *thiêu rụi*, *thiêu sạch*.

Bên cạnh đó, đối tượng của hoạt động *thiêu* cũng có thể cùng một lúc đóng hai vai trò: vừa là chủ thể vừa là đối thể. Lúc đó, ta có trường hợp *tự thiêu*. Đây là hành động tự mình hủy hoại, kết thúc sự sống của bản thân. Ví dụ: “Nam thanh niên tâm xãng **tự thiêu** giữa phố” (báo Tiền Phong).

Trong tất cả các khả năng kết hợp của từ *thiêu*, người ta thường hay thấy các kết hợp của *thiêu* với các vị từ tác động khác. Tự nhiên về mặt ngữ cảm là các kết hợp sau: (+) *thiêu hủy*, (+) *thiêu đốt*. Nhưng không có: (-) *thiêu phá*. Dẫn chứng này khẳng định rằng *thiêu* là hành động hủy diệt. Đến đây, có thể nhận thấy, *thiêu* và *đốt* đều có thể kết hợp với nhau để tạo ra kiểu từ ghép đẳng lập. Tuy nhiên, trong thực tế sử dụng, người ta không dùng *thiêu đốt* với nghĩa đen. *Thiêu đốt* có thể là một kích động về tâm lý. Ví dụ: “Hận thù thiêu đốt người phụ nữ dâm em chồng” (www.tinmoi.vn). Hoặc để diễn tả sự nổi trội của người, vật, việc trong một lĩnh vực nào đó, người viết cũng thường hay sử dụng *thiêu đốt*. Ví dụ: “Những thân hình thiêu đốt trang bìa tạp chí Hoa ngữ” (www.dantri.com.vn).

Ngoài ra, ở một số trường hợp, người viết có thể dùng *đốt* hoặc *thiêu hủy* trong những ngữ cảnh tương đương.

Ví dụ:

“Sáng 15-4, tại khu vực đường Tôn Đức Thắng (tỉnh Kiên Giang), Ban chỉ đạo 127 Kiên Giang đã tiến hành đốt 258000 gói thuốc lá ngoại nhập lậu”.

“Các loại thuốc lá bị thiêu hủy chủ yếu là Hero, Yet... trị giá hơn 2,5 (www.tintuc.xalo.vn)

Thiêu là động thái tự nhiên của lửa nên chủ thể hành động của nó cũng có thể là *lửa*. Ở trường hợp này, *thiêu* hành chức như một vị từ quá trình [+động], [-chủ ý] và có thể hoạt động độc lập. Ví dụ: “Lửa thiêu mất cả xóm” (www.news.hnsv.com)

Tính không có chủ ý được thể hiện ở chỗ trong một ngữ cảnh nhất định, do vô ý, con người có thể huỷ hoại một đối tượng nào đó bằng ngọn lửa. Chẳng hạn “Du khách “lỡ tay” thiêu rụi hơn 11000 ha rừng.” (hongchuyen.com)

Khác với *đốt*, *thiêu* không bao hàm quá trình tạo ra lửa nên nó không thể kết hợp với giới từ *lên* hay *vào*. Ví dụ: (-) *thiêu vào người*, (-) *thiêu người lên*

Về sau, trong kết hợp *hỏa thiêu*, khi bị lược đi từ *hỏa*, từ *thiêu* vẫn có thể hoạt động độc lập và có một vài khả năng kết hợp giống như từ *đốt* nhưng sắc thái biểu cảm khác hẳn. Hiện nay, trên các tờ báo, người ta thấy có hai cách diễn đạt về cùng một sự kiện như sau:

“Vợ nhà báo Hoàng Hùng đốt chồng ra sao?”

“Vợ nhà báo thiêu chết chồng”

Có thể thấy, với cách diễn đạt dùng từ *đốt*, người đọc hiểu đây là một hành động có chủ ý với dã tâm giết hại người khác. Tít báo đi thẳng vào sự việc một cách rõ ràng, cụ thể. Còn với lối viết dùng từ *thiêu*, nội dung vụ án dường như được phủ màu sắc tu từ và gợi sự tò mò cho người đọc. Nó gây sốc cho bạn đọc vì điều bất thường ẩn náu trong sự bình thường. Khi một thành viên trong gia đình hay họ tộc qua đời, việc thiêu xác người thân là điều nên làm và đúng với nghi lễ chôn cất người chết. Nhưng ở đây, ngay cả một việc làm hết sức tự nhiên như vậy cũng được đưa lên mặt báo đã cho thấy có cái gì đó không

thường trong chuyện này. Và, điều bất thường ở đây chính là dùng hình thức *hỏa thiêu* để giết hại người thân của mình.

3. Kết luận

Từ những điều phân tích trên đây, có thể thấy rằng, *thiêu* và *đốt* tuy đồng nghĩa nhưng giữa chúng vẫn có những điểm khác biệt. Trong đó, *thiêu* thường dùng để nói đến các hoạt động mang tính chất thiêng liêng của tôn giáo và hướng đến mục đích tốt đẹp. *Thiêu* là quá trình làm tiêu hủy đối tượng bằng ngọn lửa. Điều này cho thấy định nghĩa “*thiêu*: đốt cháy bằng ngọn lửa mạnh” của Hoàng Phê chưa thật sự chính xác bởi lẽ *thiêu* là một quá trình hơn là một hành động có chủ ý. Còn *đốt* là một trong những hoạt động thường nhật của con người, tạo ra lửa để phục vụ cho các nhu cầu sống hàng ngày hoặc nhằm mục đích phá hoại và thậm chí giết hại. Như vậy, dựa trên cơ sở này, người sử dụng tiếng Việt có thể cân nhắc để dùng *thiêu* và *đốt* cho hợp lý.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (1996), *Từ điển Hán-Việt*, Nxb Khoa học xã hội.
2. Hoàng Dũng, Bùi Mạnh Hùng (2007), *Giáo trình dẫn luận Ngôn ngữ học*, Nxb Đại học Sư Phạm.
3. Nguyễn Thiện Giáp (1999), *Từ vựng học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
4. Cao Xuân Hạo (2006), *Sơ thảo Ngữ pháp chức năng*, Nxb Giáo dục.
5. Hoàng Phê (2010), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
6. Nguyễn Thị Quy (1995), *Vị từ hành động tiếng Việt và các tham tố của nó*, Nxb Khoa học xã hội.
7. Nguyễn Kim Thán (1999), *Động từ trong tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội.
8. Lý Toàn Thắng (2005), *Ngôn ngữ học tri nhận từ lý thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội.
9. Nguyễn Đức Tồn (2006), *Từ đồng nghĩa tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội.